TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 8 năm 2017
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bấm

2. Bà Vũ Thị Kim Anh

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Nguyễn Thị Thu Phương, Thư ký Toà án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa****:* Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 606/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 673/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Th B Th, sinh năm 1966; ĐKHKTT: Đường Đ, phường M, Quận Ng, thành phố Hải Phòng. Tạm trú: Đường M , phường Đằng L, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm C H, sinh năm 1961; địa chỉ: Đường Đ, phường M, Quận Ng, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn ngày 10/4/2017 bà Trịnh Th B Th và ông Phạm C H thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con, chia tài sản khi ly

hôn. Ngày 20/4/2017 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền đã thụ lý việc dân sự đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý việc dân sự và Thông báo hòa giải cho người có yêu cầu là bà Trịnh Th B Th và ông Phạm C H. Nhưng ông H vắng mặt tại buổi hòa giải không có lý do.

Căn cứ vào Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, ngày 19 tháng 5 năm 2017 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền đã ra thông báo đình chỉ giải quyết việc dân sự và thụ lý vụ án (số thụ lý không thay đổi) để giải quyết theo thủ tục thông thường; thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án được tính lại kể từ ngày 20/5/2017. Bà Trịnh Th B Th vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, thỏa thuận về tài sản khi ly hôn ông Phạm C H.

Trong đơn yêu cầu Toà án giải quyết, bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Th B Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1993, bà Trịnh Th B Th và ông Phạm C H kết hôn trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, nhưng đến ngày 03/5/2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn bà Th và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng về quan điểm, tính cách không phù hợp; mâu thuẫn căng thẳng nên bà Th và ông H đã sống ly thân. Bà Th cùng hai con chuyển ra ở riêng từ năm 2005 đến nay. Hiện nay, bà Th và ông H không còn quan tâm đến nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Th và ông H có hai chung là Phạm T Đ, sinh ngày 25/12/1993 đã trưởng thành và Phạm M Ng, sinh ngày 04/8/2002. Từ khi bà Th và ông H sống ly thân, cả hai cháu vẫn ở cùng nhau và ở với mẹ nên bà Th đề nghị: Cháu Phạm T Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; được tiếp tục nuôi con Phạm M Ng. Việc cấp dưỡng nuôi con sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Th đề nghị được tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm C H vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và ông H cũng không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại các

phiên hòa giải, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trịnh Th B Th được ly hôn với ông Phạm C H. Con chung Phạm T Đ, sinh ngày 25/12/1993 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Phạm M Ng, sinh ngày 04/8/2002 cho bà Th nuôi; việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung bà Th đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, bà Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Phạm C H cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông Phạm C H đến Tòa án nhiều lần nhưng không thể tống đạt trực tiếp các văn bản cho bị đơn được vì không gặp được ông H tại địa chỉ số 19/9 Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tống đạt cho ông H đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, trụ sở Uỷ ban nhân dân phường Máy Tơ và tại nơi cư trú của ông H các văn bản như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H đều không đến trụ sở Tòa án để làm việc và vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Và ông H cũng không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 07/8/2017 ông H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Vì không tống đạt được Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nên Tòa án đã niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số 673/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2017 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như bà Th đã trình bày, hôn nhân giữa bà Th và ông H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống được khoảng 11 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2005 đến nay. Giữa hai người không có tiếng nói chung, không có sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Bà Th và ông H đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Vì vậy, bà Th đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tòa án xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc nuôi con: Bà Trịnh Th B Th và ông Phạm C H có hai con chung là Phạm T Đ, sinh ngày 25/12/1993 và Phạm M Ng, sinh ngày 04/8/2002. Tòa án xét thấy, từ khi bà Th và ông H sống ly thân, hai cháu vẫn sống cùng bà Th. Cháu Phạm T Đ đã trưởng thành, còn cháu Phạm M Ng cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Khi ly hôn, ông H không có quan điểm gửi Tòa án về con chung. Vì vậy, giao con Phạm M Ng cho bà Th nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, nguyện vọng cũng như đảm bảo được mọi quyền lợi của cháu Ngọc. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà Th đề nghị được tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Sau này, nếu các đương sự có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về việc chia tài sản chung: Bà Th đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Trịnh Th B Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Th B Th được ly hôn ông Phạm C H.

2. Về việc nuôi con:

Bà Trịnh Th B Th được ly hôn ông Phạm C H có hai chung là Phạm T Đ, sinh ngày 25/12/1993 và Phạm M Ng, sinh ngày 04/8/2002. Con chung Phạm T Đ, đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết. Giao con chung Phạm M Ng cho bà Trịnh Th B Th trực tiếp nuôi cho đến khi 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Bà Trịnh Th B Th đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Trịnh Th B Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 1697 ngày 20 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Bà Trịnh Th B Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Phạm C H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND Quận Ngô Quyền;
- Chi Cục THADS Quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạc Viên, Hải Phòng
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huân